

**TỔNG CỤC THUẾ
CỤC THUẾ TP HÀ NỘI**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 6677/CT-TTHT
V/v chính sách thuế TNDN,
GTGT, hóa đơn đối với hợp đồng
hợp tác kinh doanh

Hà Nội, ngày 12 tháng 02 năm 2018

Kính gửi: Cổng thông tin điện tử - Bộ Tài chính

Cục Thuế TP Hà Nội nhận được Phiếu chuyển số 63/PC-TCT ngày 30/1/2018 của Tổng cục Thuế chuyển thư hỏi của Độc giả Vũ Thu Hằng (địa chỉ: Linh Đàm, Hà Nội; email hang.vu@med-aid.com) do Cổng Thông tin điện tử Bộ Tài chính chuyển đến (sau đây gọi là “Độc giả”) hỏi về chính sách thuế. Cục Thuế TP Hà Nội có ý kiến như sau:

- Căn cứ Thông tư số 219/2013/TT-BTC ngày 31/12/2013 của Bộ Tài chính hướng dẫn về thuế GTGT quy định:

+ Tại Khoản 1 Điều 5 các trường hợp không phải kê khai tính nộp thuế GTGT:

“1. Tổ chức, cá nhân nhận các khoản thu về bồi thường bằng tiền (bao gồm cả tiền bồi thường về đất và tài sản trên đất khi bị thu hồi đất theo quyết định của cơ quan Nhà nước có thẩm quyền), tiền thưởng, tiền hỗ trợ, tiền chuyển nhượng quyền phát thải và các khoản thu tài chính khác.

Cơ sở kinh doanh khi nhận khoản tiền thu về bồi thường, tiền thưởng, tiền hỗ trợ nhận được, tiền chuyển nhượng quyền phát thải và các khoản thu tài chính khác thì lập chứng từ thu theo quy định. Đối với cơ sở kinh doanh chi tiền, căn cứ mục đích chi để lập chứng từ chi tiền.”

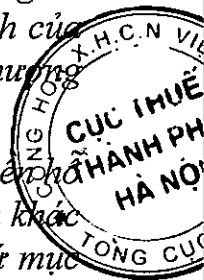
+ Tại Điều 14 (đã được sửa đổi, bổ sung tại Khoản 9 Điều 1 Thông tư 26/2015/TT-BTC ngày 27/2/2015 của Bộ Tài chính) quy định về nguyên tắc khấu trừ thuế GTGT đầu vào.

- Căn cứ Khoản 10 Điều 1 Thông tư số 26/2015/TT-BTC ngày 27/02/2015 của Bộ Tài chính quy định:

“10. Sửa đổi, bổ sung Điều 15 (đã được sửa đổi, bổ sung tại Thông tư số 119/2014/TT-BTC ngày 25/8/2014 và Thông tư số 151/2014/TT-BTC ngày 10/10/2014 của Bộ Tài chính) như sau:

“Điều 15. Điều kiện khấu trừ thuế giá trị gia tăng đầu vào

1. Có hóa đơn giá trị gia tăng hợp pháp của hàng hóa, dịch vụ mua vào hoặc chứng từ nộp thuế giá trị gia tăng khâu nhập khẩu hoặc chứng từ nộp thuế GTGT thay cho phía nước ngoài theo hướng dẫn của Bộ Tài chính áp dụng đối với các tổ chức nước ngoài không có tư cách pháp nhân Việt Nam và cá nhân nước ngoài kinh doanh hoặc có thu nhập phát sinh tại Việt Nam.



2. Có chứng từ thanh toán không dùng tiền mặt đối với hàng hóa, dịch vụ mua vào (bao gồm cả hàng hóa nhập khẩu) từ hai mươi triệu đồng trở lên, trừ các trường hợp giá trị hàng hóa, dịch vụ nhập khẩu từng lần có giá trị dưới hai mươi triệu đồng, hàng hóa, dịch vụ mua vào từng lần theo hóa đơn dưới hai mươi triệu đồng theo giá đã có thuế GTGT và trường hợp cơ sở kinh doanh nhập khẩu hàng hóa là quà biếu, quà tặng của tổ chức, cá nhân ở nước ngoài.”

- Căn cứ Tiết n, Khoản 3 Điều 5 Thông tư số 78/2014/TT-BTC ngày 18/6/2014 quy định:

“3. Doanh thu để tính thu nhập chịu thuế trong một số trường hợp xác định như sau:

...
n) Đối với hoạt động kinh doanh dưới hình thức hợp đồng hợp tác kinh doanh:

...
- Trường hợp các bên tham gia hợp đồng hợp tác kinh doanh phân chia kết quả kinh doanh bằng lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp thì doanh thu để xác định thu nhập chịu thuế là số tiền bán hàng hóa, dịch vụ theo hợp đồng. Các bên tham gia hợp đồng hợp tác kinh doanh phải cử ra một bên làm đại diện có trách nhiệm xuất hóa đơn, ghi nhận doanh thu, chi phí và kê khai nộp thuế thu nhập doanh nghiệp thay cho các bên còn lại tham gia hợp đồng hợp tác kinh doanh.”

- Căn cứ Điều 8 Thông tư số 78/2014/TT-BTC ngày 18/6/2014 của Bộ Tài chính hướng dẫn về thuế TNDN quy định về thu nhập được miễn thuế:

6. Thu nhập được chia từ hoạt động góp vốn, mua cổ phần, liên doanh, liên kết kinh tế với doanh nghiệp trong nước, sau khi bên nhận góp vốn, phát hành cổ phiếu, liên doanh, liên kết đã nộp thuế thu nhập doanh nghiệp theo quy định của Luật Thuế thu nhập doanh nghiệp, kể cả trường hợp bên nhận góp vốn, phát hành cổ phiếu, bên liên doanh, liên kết được hưởng ưu đãi thuế thu nhập doanh nghiệp.

...”
- Căn cứ Điều 4 Thông tư 96/2015/TT-BTC ngày 22/6/2015 của Bộ Tài chính hướng dẫn về thuế TNDN quy định như sau:

“Điều 4. Sửa đổi, bổ sung Điều 6 Thông tư số 78/2014/TT-BTC (đã được sửa đổi, bổ sung tại Khoản 2 Điều 6 Thông tư số 119/2014/TT-BTC và Điều 1 Thông tư số 151/2014/TT-BTC) như sau:

“Điều 6. Các khoản chi được trừ và không được trừ khi xác định thu nhập chịu thuế

1. Trừ các khoản chi không được trừ nêu tại Khoản 2 Điều này, doanh nghiệp được trừ mọi khoản chi nếu đáp ứng đủ các điều kiện sau:

a) Khoản chi thực tế phát sinh liên quan đến hoạt động sản xuất, kinh doanh của doanh nghiệp.

b) Khoản chi có đủ hoá đơn, chứng từ hợp pháp theo quy định của pháp luật.

c) Khoản chi nếu có hoá đơn mua hàng hoá, dịch vụ từng lần có giá trị từ 20 triệu đồng trở lên (giá đã bao gồm thuế GTGT) khi thanh toán phải có chứng từ thanh toán không dùng tiền mặt.

Chứng từ thanh toán không dùng tiền mặt thực hiện theo quy định của các văn bản pháp luật về thuế giá trị gia tăng.

Căn cứ các quy định trên và theo trình bày của Độc giả, Công ty của Độc giả ký hợp đồng hợp tác kinh doanh với bệnh viện để khai thác một số máy chuẩn đoán và điều trị ung thư theo đúng quy định của pháp luật, hai bên thỏa thuận cử bệnh viện làm đại diện có trách nhiệm xuất hóa đơn, ghi nhận doanh thu, chi phí và kê khai nộp thuế thu nhập doanh nghiệp thay cho Công ty của độc giả đối với phần thu nhập từ hợp đồng hợp tác kinh doanh, do Độc giả không cung cấp hồ sơ cụ thể, Cục Thuế TP Hà Nội trả lời nguyên tắc như sau:

- Phần thu nhập mà Công ty độc giả nhận được từ hợp đồng hợp tác kinh doanh (phần thu nhập Công ty nhận được sau khi bệnh viện đã kê khai tính nộp thuế TNDN theo quy định) thuộc đối tượng được miễn thuế TNDN theo hướng dẫn tại Điều 8 Thông tư số 78/2014/TT-BTC nêu trên. Khi nhận được khoản thu nhập được chia Công ty lập phiếu thu theo quy định, đối với bệnh viện chi tiền, căn cứ mục đích chi để lập chứng từ chi tiền.

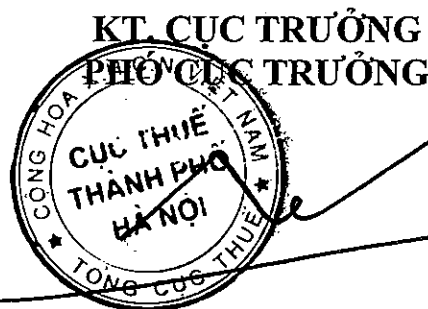
- Do bệnh viện là đơn vị được cử làm đại diện xuất hóa đơn, ghi nhận doanh thu, chi phí, kê khai nộp thuế TNDN từ hợp đồng hợp tác kinh doanh nên toàn bộ chi phí, doanh thu phát sinh từ hoạt động này được bệnh viện ghi nhận để kê khai, xác định thuế TNDN phải nộp. Các khoản chi đáp ứng các điều kiện quy định tại Điều 4 Thông tư 96/2015/TT-BTC nêu trên được xác định là chi phí được trừ khi xác định thu nhập chịu thuế TNDN và số thuế GTGT đầu vào của các khoản chi này được kê khai, khấu trừ thuế GTGT đầu vào nếu đáp ứng các điều kiện khấu trừ thuế GTGT quy định tại Điều 15 Thông tư 219/2013/TT-BTC (đã được sửa đổi, bổ sung tại Khoản 10 Điều 1 Thông tư 26/2015/TT-BTC ngày 27/2/2015).

Đề nghị Độc giả cung cấp hồ sơ cụ thể tới cơ quan thuế tới cơ quan thuế quản lý trực tiếp Công ty của độc giả để được giải đáp cụ thể.

Cục thuế TP Hà Nội trả lời đề Công Thông tin điện tử Bộ Tài chính được biết và hướng dẫn Độc giả thực hiện.

Nơi nhận:

- Như trên;
- Tổng cục Thuế (để báo cáo);
- Phòng pháp chế;
- Lưu: VT, TTHT(2). (6,4)



Mai Sơn